

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN LỘC
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **12/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 13 - 5 - 2021

V/v “*tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Sương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Đức Anh

Ông Phạm Quang Nghĩa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai: Bà Phạm Thị Lý – Kiểm sát viên.

Vào ngày 13 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 226/2020/TLST-DS ngày 13 tháng 11 năm 2020 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2021/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị H**, sinh năm 1972. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã XT, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Bà **Dương Thị Thùy L**, sinh năm 1981 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã XT, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/9/2020, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị H trình bày:

Năm 2017, do có quen biết nên bà có cho bà Dương Thị Thùy L vay tiền nhiều lần, cụ thể:

- Ngày 23/3/2017, bà L vay 5.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng (150.000đồng/01 tháng), thời hạn thanh toán là 01 tháng.

- Ngày 25/4/2017, cho bà L tiếp tục vay số tiền 16.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng (460.000đồng/01 tháng), thời hạn thanh toán là 01 tháng.

Khi vay, hai bên viết giấy tay và ký tên về việc vay tiền, tổng số tiền nợ gốc bà L vay là 21.000.000 đồng.

Quá trình vay nợ thì bà L chỉ trả cho bà được 150.000 đồng tiền lãi vào khoảng tháng 5/2017, đây là tiền lãi của khoản nợ gốc 5.000.000 đồng, từ đó đến nay bà L không trả lãi và tiền gốc cho bà. Đã nhiều lần bà yêu cầu bà L trả nợ nhưng bà L không chịu trả, do đó, nay bà H yêu cầu bà Dương Thị Thùy L trả cho bà số tiền nợ gốc là 21.000.000 đồng, lãi suất trong hạn 1,66% tính từ ngày 14/7/2017 đến 14/8/2017 số tiền là **348.600 đồng**; Lãi quá hạn tính từ ngày 15/8/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm (tạm tính đến ngày 13/5/2021) số tiền là **23.826.810 đồng**, tổng số tiền là **45.175.410 đồng** và yêu cầu lãi suất chậm trả trong giai đoạn thi hành án.

Việc vay nợ chỉ có một mình bà L vay và ký tên, nên bà chỉ yêu cầu bà L chịu trách nhiệm thanh toán nợ cho bà, không yêu cầu chồng bà L là ông Nguyễn Văn Th liên đới trách nhiệm trả nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Dương Thị Thùy L trình bày:

Trong năm 2017, bà có nhiều lần vay tiền của bà Phạm Thị H, việc vay tiền hai bên thỏa thuận về lãi suất và trả góp theo ngày. Cụ thể:

- Lần đầu, ngày 23/3/2017 bà vay 5.000.000 đồng, thỏa thuận trả góp 100.000 đồng/01 ngày, trong vòng 50 ngày, nhưng số tiền bà thực nhận chỉ 4.500.000 đồng, còn 500.000 đồng bà H giữ lại tính tiền lãi. Bà có ký tên vào giấy vay nợ đưa bà H giữ. Khoản vay này bà đã trả đầy đủ cả gốc và lãi cho bà H. Lúc trả tiền bà không để ý nên không biết bà H xé bỏ giấy vay tiền nêu trên hay chưa.

- Lần hai (không nhớ thời gian cụ thể), bà vay số tiền 9.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận thời gian trả nợ trong vòng 50 ngày, mỗi ngày trả góp 200.000 đồng, góp đủ thì số tiền là 10.000.000 đồng, trong đó tiền lãi là 1.000.000 đồng. Tuy nhiên, mới góp đủ 25 ngày, do kẹt tiền nên bà L tiếp tục vay 5.000.000 đồng, bà L thực nhận 4.000.000 đồng, số tiền còn lại 1.000.000 đồng thì bà H giữ lại làm tiền lãi. Tổng số tiền bà vay vẫn là 9.000.000 đồng (nhưng bà H vẫn tính thành 10.000.000 đồng, bao gồm 1.000.000 đồng tiền lãi).

- Lần ba (không nhớ thời gian cụ thể), bà vay số tiền 9.000.000 đồng, hai bên cũng thỏa thuận thời gian trả là 50 ngày, mỗi ngày trả góp 200.000 đồng, góp đủ thì số tiền là 10.000.000 đồng, trong đó tiền lãi là 1.000.000 đồng. Số tiền này bà trả góp cả gốc và lãi được hơn 4.000.000 đồng, còn nợ gốc là 5.000.000 đồng nhưng bà H tính lên thành 6.000.000 đồng, trong đó 1.000.000 đồng là tiền lãi. Sau đó, bà H gom số tiền lần 2, lần 3 thành 16.000.000 đồng và đưa giấy vay nợ cho bà viết và ký tên.

Tất cả các giấy vay tiền thì bà H đều giữ, bà không giữ, việc trả góp tiền gốc và tiền lãi hàng ngày chỉ thỏa thuận miệng, không có giấy tờ gì nên bà không có tài liệu, chứng cứ gì để giao nộp. Đối với số tiền lãi bà đã trả thì nay bà không yêu cầu tính lại, vì đó là tiền lãi do hai bên đã thỏa thuận từ trước.

Nay bà H yêu cầu bà trả 21.000.000 đồng là nợ gốc, các khoản lãi trong hạn và lãi quá hạn thì bà chỉ chấp nhận trả cho bà H số tiền nợ gốc là 16.000.000 đồng theo giấy vay ngày 25/4/2017, không đồng ý trả 5.000.000 đồng theo giấy vay ngày 23/3/2017 và các khoản tiền lãi theo yêu cầu của bà H.

Việc bà vay nợ mục đích là để chi tiêu cá nhân, chồng bà là ông Nguyễn Văn Th không được biết, nên bà không yêu cầu ông Th liên đới trách nhiệm trả nợ cùng bà.

* Ý kiến của Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Dương Thị Thùy L trả cho bà Phạm Thị H số tiền 21.000.000 đồng nợ gốc và lãi suất theo quy định pháp luật.

* Tại phiên tòa: Bà Dương Thị Thùy L vẫn giữ ý kiến về tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa bà và bà H, việc trả lãi và việc bà đã trả cho bà H số tiền 5.000.000 đồng theo giấy vay ngày 23/3/2017, tuy nhiên, do bà không có giấy tờ, chứng cứ gì để chứng minh nên nay bà chấp nhận trả toàn bộ số tiền gốc 21.000.000 đồng theo giấy vay ngày 23/5/2017 và giấy vay ngày 25/4/2017; đối với số tiền lãi bà không đồng ý trả theo yêu cầu của bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Bà Phạm Thị H khởi kiện yêu cầu bà Dương Thị Thùy L thanh toán tiền vay nên quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Xuân Lộc, các bên tranh chấp hợp đồng vay tài sản, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về tư cách tham gia tố tụng: Bà Phạm Thị H khởi kiện bà Dương Thị Thùy L, nên bà H là nguyên đơn, bà L là bị đơn theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về thời hạn, thời hiệu: Các đương sự không yêu cầu xem xét về thời hạn, thời hiệu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về thủ tục xét xử vắng mặt: Bà Phạm Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà H tại phiên tòa là phù hợp.

[6] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

6.1 Về tiền gốc:

Theo các giấy vay tiền thể hiện: Ngày 23/3/2017, bà L ký tên để vay bà H số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 tháng; ngày 25/4/2017, bà L ký tên vay bà H số tiền 16.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 tháng. Như vậy, tổng số tiền bà L vay của bà H là 21.000.000 đồng.

Bà L thừa nhận có ký vào các giấy vay tiền của bà H, nhưng tất cả các khoản vay bà đều trả góp bao gồm cả tiền gốc và tiền lãi theo hình thức gộp đầu. Đối với số tiền 5.000.000 đồng theo giấy vay ngày 23/3/2017, bà đã trả hết cả nợ gốc và nợ lãi. Bà H không thừa nhận việc hai bên thỏa thuận trả góp tiền gốc và lãi theo ngày,

cũng không thừa nhận việc bà L đã trả số tiền 5.000.000 đồng và tiền lãi theo giấy vay tiền ngày 23/3/2017, bà chỉ thừa nhận việc bà L đã trả được cho bà H 150.000 đồng tiền lãi đối với khoản vay ngày 23/3/2017. Xét thấy, bà L cho rằng mình đã thanh toán 5.000.000 đồng cho bà H thì phải có nghĩa vụ chứng minh, nhưng bà L không có tài liệu, chứng cứ gì nên không có cơ sở khẳng định bà L đã trả cho bà H 5.000.000 đồng tiền gốc. Tuy nhiên, tại phiên tòa, bà L đồng ý trả toàn bộ số tiền nợ gốc là 21.000.000 đồng cho bà H theo giấy vay ngày 23/3/2017 và giấy vay ngày 25/4/2017 nên ghi nhận sự nguyện của bà L.

Do đó có đủ cơ sở khẳng định bà L còn nợ bà H số tiền 21.000.000 đồng, bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên phải có trách nhiệm thanh toán số tiền 21.000.000 đồng cho bà H là phù hợp theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự.

6.2. Về lãi suất:

Bà L trình bày lãi suất tính theo ngày trả góp, cứ 5.000.000 đồng thì tiền lãi sẽ là 500.000 đồng, trả góp cả gốc và lãi mỗi ngày 100.000 đồng (trong 50 ngày), 10.000.000 đồng thì lãi là 1.000.000, trả góp cả gốc và lãi mỗi ngày 200.000 đồng (trong 50 ngày) và bà cũng đã trả lãi đầy đủ cho bà H, nhưng bà không có chứng cứ chứng minh việc trả lãi. Bà H không thừa nhận việc trả lãi theo lời trình bày của bà L.

Xét tại giấy vay tiền ngày 23/3/2017 thể hiện lãi suất 150.000 đồng/01 tháng, tức 3%/tháng; tại giấy vay tiền ngày 25/4/2017 thể hiện lãi suất 460.000 đồng/01 tháng, tức gần 2,9%/tháng. Do đó, xác định việc vay tiền giữa các bên là có lãi, tuy nhiên, theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì lãi suất không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay. Theo điểm b khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự, lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả được xác định bằng 150% của mức lãi suất 20%/năm tương ứng với thời gian chậm trả; về mức lãi suất các bên thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự thì không có hiệu lực. Đối với số tiền lãi bà L trình bày đã trả đầy đủ cho bà H, nhưng bà L không có biên nhận hay chứng cứ nào khác nên không được chấp nhận; bà L không yêu cầu Tòa án tính lại đối với số tiền lãi đã trả trước đó cho bà H nên không xem xét.

Do đó, việc bà H yêu cầu bà L trả lãi suất trong hạn và quá hạn, cụ thể: Lãi trong hạn tính từ ngày 14/7/2017 đến 14/8/2017 là 01 tháng, cụ thể: 21.000.000 đồng x 1,66% x 01 tháng = **348.600 đồng**; Lãi quá hạn tính từ ngày 15/8/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 13/5/2021) là 1367 ngày, cụ thể: 21.000.000 đồng x 1,66% x 150% : 30 x 1367 ngày = **23.826.810 đồng**, và yêu cầu lãi suất chậm trả trong giai đoạn thi hành án là phù hợp theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự nên chấp nhận.

Như vậy tổng số tiền gốc và lãi suất mà bà L phải thanh toán cho bà H là: **45.175.410 đồng** (Bốn mươi lăm triệu một trăm bảy mươi lăm ngàn bốn trăm mười đồng) và lãi suất chậm thi hành án trong giai đoạn thi hành án theo quy định pháp luật.

[7] Về án phí: Bà Dương Thị Thùy L có nghĩa vụ thanh toán tiền vay cho bà Phạm Thị H với số tiền **45.175.410 đồng** nên bà L phải chịu số tiền án phí là 2.258.770 đồng.

[8] Ý kiến của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 180, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468, Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị H đối với bị đơn bà Dương Thị Thùy L về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Buộc bà Dương Thị Thùy L phải thanh toán cho bà Phạm Thị H số tiền vay **45.175.410 đồng** (*Bốn mươi lăm triệu một trăm bảy mươi lăm ngàn bốn trăm mười đồng*), trong đó tiền gốc là 21.000.000 đồng, tiền lãi là 24.175.410 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (*sau khi bản án có hiệu lực pháp luật*) mà người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền nêu trên thì còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành.

Về án phí: bà Dương Thị Thùy L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là **2.258.770 đồng** (*Hai triệu hai trăm năm mươi tám ngàn bảy trăm bảy mươi bảy đồng*).

Hoàn trả cho bà Phạm Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 525.000 đồng (*Năm trăm hai mươi lăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0004368 ngày 28 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết; Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Xuân Lộc;
- Chi cục THADS huyện Xuân Lộc;
- Các đương sự;
- Hồ sơ;
- Ấn văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hồ Thị Sương